TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **105**/2025/DS-ST
Ngày: 29/8/2025
Về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bi;

2. Ông Lê Thành Thạnh Tiến;

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp:* Không tham gia.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở 4 Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 107/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng C**.

Địa chỉ: số 169, phố L, phường H, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là Số 169, phố L, Phường Đ, Thành phố Hà Nội);

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T** – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn Q** – chức vụ Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C G (theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019);

Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Phạm H** – chức

vụ Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C G (theo Giấy ủy quyền số 45/UQ-PGD ngày 31/3/2025);

Địa chỉ: đường N, khu phố N, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố N, xã V, tỉnh Đồng Tháp);

- *Bị đơn:* *1*. Ông **Đặng Minh T** – sinh năm 1965*;*

2. Bà **Phạm Thị Kim P** – sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp);

(Ông H có mặt; ông T và bà P vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/07/2011, Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện G (gọi tắt là Ngân hàng) có phê duyệt cho hộ ông Đặng Minh T vay số tiền 8.000.000 đồng theo hợp đồng vay số 6000005900041294, lãi suất 3%/năm, mục đích vay xây dựng nhà ở thuộc Chương trình cho vay Hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167; thời hạn vay 120 tháng, thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 20/7/2021. Theo hợp đồng, thỏa thuận 6 tháng trả nợ gốc 01 lần là 800.000 đồng, tiền lãi trả hàng tháng kể từ ngày 20/7/2012; nhưng quá trình thực hiện hợp đồng hộ ông Đặng Minh T không thực hiện trả vốn gốc và lãi hàng tháng cho Ngân hàng đúng kỳ hạn như hợp đồng đã ký kết.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay số 6000005900041294 ngày 20/7/2011 với hộ ông Đặng Minh T. Yêu cầu hộ ông T gồm ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả khoản nợ gốc của hợp đồng là 8.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 26/02/2025 là 3.540.000 đồng; yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng đến khi hộ ông T trả hoàn tất nợ cho Ngân hàng.

* Bị đơn ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông T và bà P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Phạm H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay số 6000005900041294

ngày 20/7/2011 với hộ ông Đặng Minh T. Yêu cầu hộ ông T gồm ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới hoàn trả khoản nợ gốc của hợp đồng là 8.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử 29/8/2025 là 3.597.554 đồng; yêu cầu trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng từ sau ngày Tòa xét xử là 30/8/2025 đến khi hộ ông T trả hoàn tất nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa dân sự sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với các bị đơn Đặng Minh T, Phạm Thị Kim P.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu hộ ông Đặng Minh T trả số tiền vốn, tiền lãi theo hợp đồng vay đã ký kết nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "*hợp đồng vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Ông Đặng Minh T đại diện hộ gia đình gồm ông T và bà Phạm Thị Kim P mở sổ vay vốn và ký hợp đồng vay là Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay vào ngày 12/7/2011 với mã món vay số 6000005900041294 ngày 20/7/2011 để vay số tiền 8.000.000 đồng, lãi suất 3%/năm, mục đích vay xây dựng nhà ở thuộc Chương trình cho vay Hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167, thời hạn vay 120 tháng, thỏa thuận 6 tháng trả nợ gốc 01 lần là 800.000 đồng, tiền lãi trả hàng tháng kể từ ngày 20/7/2012. Hợp đồng này do nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận ký kết bởi những người có thẩm quyền, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện khi giao kết hợp đồng, hình thức và nội dung hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 5 về Phạm vi cho vay của Điều lệ về

tổ chức và hoạt động của Ngân hàng. Nên xác định hợp đồng vay này hợp pháp, là căn cứ pháp lý để các bên phải thực hiện trách nhiệm theo cam kết.

[3.2] Ngày 20/7/2011 hộ ông T được giải ngân số tiền vay 8.000.000 đồng, ông T đã nhận đủ số tiền vay của hợp đồng là 8.000.000 đồng, nhưng quá trình thực hiện hợp đồng hộ ông T không trả vốn, lãi đúng kỳ hạn cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm thỏa thuận tại điểm c, tiểu mục 2.2, mục 2 về quyền và nghĩa vụ của hộ vay tại sổ vay vốn của Ngân hàng. Do đó, đại diện Ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[3.3] Tại Sổ vay vốn mã KH số 5403141154, bà Phạm Thị Kim P là vợ ông Đặng Minh T ký và ghi rõ họ tên tên tại phần người thừa kế cho thấy bà P đồng ý để ông T đại diện hộ gia đình đứng ra ký hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng với tổng số vốn gốc là 8.000.000 đồng. Ngoài ra, mặc dù hợp đồng vay chỉ có ông T ký tên nhưng mục đích vay cho thấy dùng để xây dựng nhà ở thuộc Chương trình cho vay Hộ nghèo về nhà ở nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà P cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Ngân hàng yêu cầu ông T, bà P trả số tiền nợ gốc 8.000.000đ và lãi tính đến ngày xét xử 29/8/2025 là 3.597.554 đồng, đồng thời yêu cầu ông T, bà P tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh từ sau ngày xét xử 30/8/2025 đến khi hết nợ theo sổ vay vốn và sổ lưu tờ rời với mã món vay số 6000005900041294 ngày 20/7/2011 là phù hợp quy định Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Ngân hàng yêu cầu ông T, bà P có nghĩa vụ liên đới trả hết số tiền gốc 8.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 29/8/2025 là 3.597.554 đồng, tổng cộng là 11.597.554 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Xét việc bị đơn ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P vắng mặt không thỏa thuận được thời hạn thực hiện nghĩa vụ, nên cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ cho nguyên đơn khi án có hiệu lực pháp luật; phương thức và thời gian thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Đối với Bị đơn ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên đến thời điểm này ông, bà vẫn vắng mặt, không tham gia tố tụng. Như vậy, ông, bà đã từ bỏ các quyền của mình theo quy định của pháp luật và mặc nhiên xem như ông, bà không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng vay số 6000005900041294 ngày 20/7/2011 với ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P.

1. Buộc ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng C tiền vốn và lãi tính đến ngày 29/8/2025 là 11.597.554 đồng *(mười một triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, năm trăm năm mươi bốn đồng)*, trong đó nợ gốc là 8.000.000 đồng, tiền lãi là 3.597.554 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới tiếp tục trả lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng vay số 6000005900041294 ngày 20/7/2011.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đặng Minh T và bà Phạm Thị Kim P phải chịu 579.878 đồng *(năm trăm bảy mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm